

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 8 - 2024
“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB-TỈNH PT

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Thu;

2. Ông Phùng Văn Thị.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2024 về: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 11/7/2024 và ngày 08/8/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị Ngọc A**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Khu 11, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh PT;

Nơi ở hiện tại: Khu 5, xã HL, thành phố VT, tỉnh PT.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Kờ Boong L**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu 11, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh PT.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông **Hồ Văn P**, sinh năm 1978; Là Luật sư, Công ty Luật TNHH H L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh PT;
(Chị A và anh L, ông P đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị **Bùi Thị Ngọc A** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh **Nguyễn Kờ Boong L**, được tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 13/3/2013, tại UBND thị trấn TB, huyện TB,

tỉnh PT. Khi đó vợ chồng làm nghề tự do tại địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ chồng ở khu 11, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh PT. Tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 3 năm. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, hai bên từ rất lâu không thể nói chuyện được với nhau. Vợ chồng chị sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2024 đến nay, chị A đang ở cùng mẹ đẻ của chị A tại: Khu 5, xã HL, thành phố VT, tỉnh PT. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Kờ Boong L.

Về con chung: Chị A và anh L có 02 con chung là Nguyễn Đức Tùng A, sinh ngày 07/6/2013 và Nguyễn Cát Tuệ A, sinh ngày 06/7/2019. Hiện nay, cháu Tùng A đang ở cùng anh L, cháu Tuệ A đang ở cùng chị. Nay ly hôn, chị A đồng ý theo nguyện vọng của cháu Tùng A được ở với anh L, còn chị trực tiếp nuôi cháu Tuệ A và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

** Theo lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Kờ Boong L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh L thừa nhận quá trình tìm hiểu, kết hôn như chị A trình bày là đúng. Anh L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không có mâu thuẫn gì lớn và anh L không hiểu lý do vì sao mà tháng 02 năm 2024, chị A về nhà mẹ đẻ của chị ở thành phố VT sinh sống, không về ở cùng anh nữa. Anh cũng đã nói chuyện, đi lại đưa các cháu xuống chơi và ở cùng với vợ anh, tuy nhiên do vợ anh nóng tính, nên khi gặp nhau, hai vợ chồng anh không bình tĩnh ngồi lại nói chuyện được với nhau. Nay chị A yêu cầu ly hôn, do anh L xác định vẫn còn tình cảm và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng chăm sóc, nuôi dạy con chung. Nếu chị A cương quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị A đã trình bày, cháu Tùng A đang ở cùng anh, cháu Tuệ A đang ở cùng chị A. Anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng chăm sóc con chung. Nếu Toà án xử cho vợ chồng ly hôn, thì anh L xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Ngọc A.

- *Về con chung:* Nếu Toà án xử cho chị A và anh L được ly hôn, thì đề nghị giao cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Đức Tùng A, sinh ngày 07/6/2013 và Nguyễn Cát Tuệ A, sinh ngày 06/7/2019 và không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc A.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Kờ Boong L.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Ngọc A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu: Nguyễn Cát Tuệ A, sinh ngày 06/7/2019; Giao cho anh Nguyễn Kờ Boong L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu: Nguyễn Đức Tùng A, sinh ngày 07/6/2013; Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị A và anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị A và anh L đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị A phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Bùi Thị Ngọc A và bị đơn là Nguyễn Kờ Boong L. Anh L có nơi cư trú ở khu 11, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc A và anh Nguyễn Kờ Boong L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được UBND thị trấn TB, huyện TB, tỉnh PT đăng ký kết hôn ngày 13/3/2013, do vậy hôn nhân giữa chị Bùi Thị Ngọc A và anh Nguyễn Kờ Boong L là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình cảm vợ chồng giữa chị Bùi Thị Ngọc A và anh Nguyễn Kờ Boong L thấy rằng: Kể từ khi kết hôn đến năm 2013, vợ chồng chị A, anh L sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Theo chị A thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017 đến tháng 02/2024 thì chị A về nhà mẹ đẻ ở xã HL, thành phố VT và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Phía anh L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không có mâu thuẫn gì lớn và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay. Anh đã nói chuyện, đi

lại đưa các cháu xuống chơi và ở cùng với chị A, nhưng hai bên không ngồi lại nói chuyện được với nhau. Nay anh L xin được đoàn tụ để vợ chồng về nuôi dạy con chung. Nếu chị A cương quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A là có căn cứ, vì thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay, còn yêu cầu xin đoàn tụ của anh L là không có cơ sở, bởi anh L đã không có những biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, Hơn nữa chị A cương quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa chị A và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho chị A được ly hôn với anh L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị A và anh L đều xác định anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Tùng A, sinh ngày 07/6/2013 và Nguyễn Cát Tuệ A, sinh ngày 06/7/2019. Hiện nay, cháu Tuệ A đang ở cùng chị Bùi Thị Ngọc A, cháu Tùng A đang ở cùng anh Nguyễn Kờ Boong L.

Xét yêu cầu xin được nuôi con của hai bên là chính đáng, tuy nhiên, cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Về điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Chị A và anh L có điều kiện ngang nhau.

Về việc bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, cũng như xem xét nguyện vọng của con: Hiện nay, cháu Tùng Anh đang ở cùng anh L, cháu Tuệ A đang ở cùng chị A. Cháu Tùng A có nguyện vọng ở cùng anh L, vì vậy, để đảm bảo ổn định tâm lý và tình cảm của con chung, không bị xáo trộn môi trường sống, cần giao cháu Tùng A cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Tuệ A cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị A và anh L đều không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con nên không buộc hai bên cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4]. Tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị A và anh L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị A phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp quy định pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Kờ Boong L.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Kờ Boong L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đức Tùng A, sinh ngày 07/6/2013 (hiện nay đang ở cùng anh L tại khu 11 thị trấn TB, huyện TB, tỉnh PT); Giao cho chị Bùi Thị Ngọc A được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Cát Tuệ A, sinh ngày 06/7/2019 (hiện nay đang ở cùng chị A)

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con (do hai bên đều không yêu cầu).

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị A và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị A phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền chị A đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng; Theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001884, ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn TB;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyện

